

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/02/2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2020 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Chí T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, Hải Dương. (Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1997.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. (Vắng mặt).

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Chí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại UBND xã H, huyện N, Hải Dương vào ngày 10/5/2016. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó thường xuyên cãi nhau do mâu thuẫn về tính cách, về quan điểm sống và do kinh tế khó khăn. Cuối năm 2018 anh T đi lao động tại Hàn Quốc. Từ đó anh và chị M ít liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Sau đó anh được biết chị M đã tự ý đi lao động tại Đài Loan. Nay anh T xác định vợ chồng đã ly thân nhau hai năm nay, không còn tình cảm, không thể tiếp tục quan hệ vợ chồng nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh và chị M ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, bố đẻ chị Nguyễn Thị M là ông Nguyễn Huy C trình bày: Ông C là bố đẻ của chị Nguyễn Thị M và anh Lê Chí T là chồng chị M và là con rể của ông. Chị M và anh T kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã H, huyện N, Hải Dương. Mâu thuẫn của chị M và anh T cụ thể thì ông cũng không nắm được. Chị M hiện đang đi lao động tại Đài Loan. Do chị M không nói địa chỉ cụ thể nên ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị M tại Đài Loan cho Tòa án được. Gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với chị M nên ông nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho chị M biết việc anh T đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời thông báo nội dung các văn bản tố tụng của tòa án cho chị M biết. Qua trao đổi thì ông được chị M cho biết chị M có quan điểm rằng vợ chồng ly thân đã lâu, đến nay không còn tình cảm nên chị M đồng ý ly hôn với anh T. Chị M xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc thường xuyên thay đổi địa chỉ nên chị M không thể cung cấp địa chỉ cụ thể, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị M và tổng đạt các văn bản thông qua bố đẻ chị M là ông Nguyễn Huy C. Ông C đồng ý nhận thay để thông báo cho chị M. Ngoài ra chị M không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử chấp nhận cho anh Lê Chí T ly hôn chị Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Anh Lê Chí T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị M là người Việt Nam hiện đang lao động tại Đài Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Anh T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị M ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của chị M tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu bố đẻ của chị M cung cấp địa chỉ của chị M đến lần thứ hai nhưng ông C cũng không biết địa chỉ của chị M tại Đài Loan. Tuy nhiên ông C vẫn liên lạc được với chị M nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị M. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh T vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị M vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T và chị M là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị M tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã H, huyện N, Hải Dương vào ngày 10/5/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng tính cách, về quan điểm sống và do kinh tế khó khăn. Cuối năm 2018 anh T đi lao động tại Hàn Quốc. Từ đó anh và chị M ít liên lạc với nhau, không ai

quan tâm đến ai. Sau đó anh được biết chị M đã tự ý đi lao động tại Đài Loan. Nay anh T xác định vợ chồng đã ly thân nhau hai năm nay, không còn tình cảm, không thể tiếp tục quan hệ vợ chồng nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh và chị M ly hôn.

Xét thấy hôn nhân của anh T và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Thông qua ông C thì chị M cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của anh T nên cần chấp nhận cho anh T ly hôn với chị M là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị M xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh T và chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273, khoản 2 Điều 479 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 474, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Chí T được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về án phí: Anh Lê Chí T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0004795 ngày 26/11/2020. Anh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Chí T quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đăng Huy